

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến;
Bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y - Sinh năm 1977.

2. Bị đơn: Anh Cao Đức T - Sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Phố M, xã Quảng T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Y, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Cao Đức T kết hôn với nhau năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng T, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh T không chịu làm ăn, sa đà vào nghiện ngập ma túy, không quan tâm đến gia đình vợ con, chị

đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh T đã nhiều lần đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng chị căng thẳng nhất từ tháng 10/2019, anh chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Cao Yến N, sinh ngày 30/12/1996 và cháu Cao Minh Đ, sinh ngày 04/10/2007. Hiện nay cháu N đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị vì hiện nay anh T chưa có việc làm và thu nhập ổn định, còn chị tuy là lao động tự do nhưng có thu nhập ổn định.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời khai của chị Y về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân và thời điểm phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân.

Nay chị Y làm đơn khởi kiện ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, anh có nguyện vọng vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu trường hợp chị Y vẫn cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị Y trình bày. Hiện nay cháu Yến N đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai ngày 05/5/2020, anh T có trình bày nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Minh Đ, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Trong buổi hòa giải lần một ngày 08/5/2020, anh T đồng ý nếu ly hôn sẽ giao cháu Đ cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh không đóng góp tiền nuôi con chung với chị Y. Đến buổi hoàn giải lần hai vào ngày 19/5/2020, anh T lại thay đổi ý kiến, nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Tại buổi hòa giải lần ba ngày 05/6/2020, anh T thống nhất nếu ly hôn sẽ giao cháu Đ cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y.

Về tài sản, công nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Y, ly hôn giao cháu Cao Minh Đ cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y; tài sản, công nợ chung chị Y, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Vì vậy việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Cao Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Về hôn nhân: Chị Y và T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị Y và anh T đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh T có chơi bời, nghiện chất ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của anh chị càng thẳng thắt từ tháng 10/2019, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh T cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng vì con cái nên anh có nguyện vọng vợ chồng quay về đoàn tụ. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện, cuộc sống vợ chồng giữa chị Y và anh T có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2007, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị là do tính cách, quan điểm sống không phù hợp, hơn nữa anh T có chơi bời, nghiện chất ma túy nên mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Như vậy có thể khẳng định tình cảm vợ chồng và đời sống chung giữa chị Y và anh T không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được, vợ chồng có quay về đoàn tụ thì cuộc sống cũng không hạnh phúc. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T và phù hợp với pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4]. Về con chung: Chị Y và anh T có hai con chung là cháu Cao Yến N, sinh ngày 30/12/1996 và cháu Cao Minh Đ, sinh ngày 04/10/2007. Hiện nay cháu N đã thành niên nên chị Y và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ còn anh T không nhất quán trong việc yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, anh T là đối tượng nghiện ma túy, hiện nay anh chưa có công việc và thu nhập ổn định. Chị Y là lao động tự do, có thu nhập ổn định. Kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, cháu Đ vẫn do chị Y nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Cháu Đ cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị Y là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Y và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Cao Đức T.

Về con chung: Chị Y và anh T có hai con chung là cháu Cao Yến N, sinh ngày 30/12/1996 và cháu Cao Minh Đ, sinh ngày 04/10/2007. Hiện nay cháu N đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn giao cháu Đ cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: chị Y và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Y nộp theo biên lai số AA/2018/0000861 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị Y đã nộp đủ án phí).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND xã Quảng T, TP Thanh Hóa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương